

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

**NỘI DUNG THAM VẤN TRONG QUÁ TRÌNH THỰC HIỆN
ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG MÔI TRƯỜNG CỦA DỰ ÁN**

1. Thông tin về dự án

1.1. Thông tin chung:

- Tên dự án: Nhà máy Nhiệt điện LNG Quảng Trạch II.
- Địa điểm thực hiện: Trung tâm điện lực Quảng Trạch, thôn Vĩnh Sơn, xã Quảng Đông, huyện Quảng Trạch, thuộc Khu kinh tế Hòn La, tỉnh Quảng Bình.
- Chủ dự án đầu tư: Tập đoàn Điện lực Việt Nam.
- Đại diện Chủ dự án: Ban Quản lý dự án Điện 2 – Chi nhánh Tập đoàn Điện lực Việt Nam.
- Địa chỉ liên hệ: Số 11 Cửa Bắc, phường Trúc Bạch, quận Ba Đình, thành phố Hà Nội.

1.2. Phạm vi, quy mô, công suất:

Theo Quy hoạch điện VIII được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại Quyết định số 768/QĐ-TTg ngày 15/4/2025 của Thủ tướng Chính phủ về việc Phê duyệt điều chỉnh Quy hoạch phát triển điện lực quốc gia giai đoạn 2011-2030, tầm nhìn đến năm 2050 (Quy hoạch điện VIII điều chỉnh), Nhà máy Nhiệt điện LNG Quảng Trạch II với quy mô công suất khoảng 1.500MW \pm 15% sẽ vận hành thương mại trong giai đoạn 2025~2030.

1.2.1. Phần nhà máy điện

Căn cứ vào tình hình thực tế, quy mô công suất và tiến độ vận hành của các tổ máy Nhà máy Nhiệt điện LNG Quảng Trạch II dự kiến như sau:

- Tổ máy 1: quy mô công suất khoảng 750MW, vận hành thương mại dự kiến vào Quý IV năm 2028 (tháng 12 năm 2028);
- Tổ máy 2: quy mô công suất khoảng 750MW, vận hành thương mại dự kiến vào Quý I năm 2029 (tháng 3 năm 2029).

Quy mô công suất của dự án là 1.500MW sẽ có các cấu hình tổ máy tuabin khí (TBK) phù hợp gồm cấu hình 1-1-1 ứng với công suất mỗi tổ máy khoảng 750MW (gồm 2 tổ máy) và cấu hình 2-2-1 đa trục ứng với công suất nhà máy khoảng 1.500MW.

1.2.2. Phần kho cảng

- Bồn chứa LNG là hai (02) bồn, mỗi bồn chứa có thể tích 250.000 m³ LNG.
- Dự kiến, bến cảng LNG sẽ tiếp nhận tàu chở LNG trong khoảng từ 100.000 m³ đến 180.000 m³ cho giai đoạn đầu với lưu lượng tiếp nhận là 11.000 m³/h. Đối với



Giai đoạn mở rộng, hoạt động của bến cảng sẽ được mở rộng để tiếp nhận tàu chở LNG loại Q-flex (219.000 m³).

1.3. Công nghệ sản xuất:

Công nghệ của dự án: công nghệ tuabin khí chu trình hỗn hợp.

Là công nghệ được xây dựng trên cơ sở tuabin khí hỗn hợp với tuabin hơi nhằm tận dụng tối đa hiệu quả phát điện. Do khắc phục được hạn chế chủ yếu của tuabin khí chu trình hơi là tổn thất nhiệt rất lớn theo khối thải nên công nghệ chu trình hỗn hợp mang lại hiệu suất rất cao (từ 51% đến trên 64% đối với nhiên liệu khí).

Trong các điều kiện của dự án, do nguồn khí được xác định là tin cậy và có thể cung cấp cho nhà máy trong suốt đời sống dự án, công nghệ chu trình hỗn hợp được xác định là có chỉ số kinh tế kỹ thuật cao hơn nên được lựa chọn cho Nhà máy Nhiệt điện LNG Quảng Trạch II.

Các thiết bị chính của nhà máy nhiệt điện tuabin khí chu trình hỗn hợp bao gồm: Tuabin khí, lò thu hồi nhiệt, tuabin hơi và máy phát điện. Do công suất tổ máy chu trình hỗn hợp ở mức khá cao nên dự kiến lựa chọn chu trình nhiệt 3 cấp áp lực, tái sấy.

1.4. Các hạng mục công trình và hoạt động của dự án đầu tư:

❖ Các hạng mục công trình

a. Các hạng mục công trình chính của dự án

a.1. Phần Nhà máy điện

- Turbine khí
- Các thiết bị phụ trợ của tuabin khí
- Lò thu hồi nhiệt
- Turbine hơi
- Các thiết bị phụ trợ của tuabin hơi
- Phương thức bố trí thiết bị
- Máy phát điện
- Máy biến áp chính

a.2. Phần kho cảng

- Hệ thống cần nhập
- Bồn lưu trữ LNG
- Máy nén khí BOG
- Bến cảng

b. Các hạng mục công trình phụ trợ

- Hệ thống nước làm mát
- Hệ thống cung cấp và xử lý nước
- Hệ thống cung cấp nhiên liệu
- Hệ thống không khí nén

- Hệ thống sản xuất hydro
- Hệ thống thông gió và điều hòa không khí
- Hệ thống rơ le bảo vệ
- Hệ thống SCADA và thông tin liên lạc
- Hệ thống cấp nước tái hóa khí.
- Nạo vét cảng, vũng quay tàu
- Nhấn chìm vật, chất nạo vét
- c. Các hạng mục công trình xử lý chất thải và bảo vệ môi trường
 - Hệ thống thoát nước làm mát
 - Hệ thống thoát nước mưa
 - Hệ thống thu gom và xử lý nước thải sản xuất
 - Hệ thống thu gom và xử lý nước thải sinh hoạt
 - Hệ thống xử lý khí thải
 - Công trình lưu trữ và xử lý chất thải rắn
 - Các công trình phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường khí thải, nước thải
 - Hệ thống phòng chống cháy nổ
 - Các công trình bảo vệ môi trường khác

❖ **Hoạt động của dự án đầu tư:** Nhà máy Nhiệt điện LNG Quảng Trạch II có quy mô công suất khoảng 1.500MW.

1.5. Các yếu tố nhạy cảm về môi trường (nếu có):

Căn cứ khoản 1c của Điều 28 của Luật Bảo vệ môi trường 2020 (Luật số 72/2020/QH14), khoản 4 Điều 25 Nghị định 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại khoản 6 Điều 1 Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06 tháng 01 năm 2025 thì dự án không có yếu tố nhạy cảm môi trường.

2. Các nội dung tham vấn

2.1. Vị trí thực hiện dự án đầu tư:

- Mô tả vị trí, ranh giới dự án; việc chiếm dụng các loại đất khác nhau.

Nhà máy Nhiệt điện LNG Quảng Trạch II được lựa chọn xây dựng trên khu đất thuộc Trung tâm điện lực Quảng Trạch tại thôn Vĩnh Sơn, xã Quảng Đông, huyện Quảng Trạch, tỉnh Quảng Bình. Vị trí nhà máy nằm về phía Bắc của thành phố Đồng Hới - Quảng Bình và cách thành phố khoảng 80km.

Khu đất có tọa độ địa lý nằm trong khoảng: 17°57'00" độ vĩ Bắc và 106°29'28" độ kinh Đông.

Vị trí địa lý Nhà máy Nhiệt điện LNG Quảng Trạch II nằm trong khu vực có tọa độ là: 17°57' vĩ độ Bắc; 106°29' kinh độ Đông.

- + Phía Đông: Giáp với biển Đông.
- + Phía Tây: cách quốc lộ 1A khoảng 2 km.

- + Phía Bắc: Giáp với núi Hàu và mũi Độc.
- + Phía Nam: Giáp núi Đồng Bang (còn gọi là núi Mũi)

Theo Quyết định số 1296/QĐ-BCT ngày 17/4/2017 của Bộ Công thương về việc phê duyệt điều chỉnh Quy hoạch địa điểm xây dựng TTĐL Quảng Trạch, tổng diện tích TTĐL Quảng Trạch khoảng 460,5 ha.

Quy mô sử dụng đất của dự án khoảng 476,47ha, bao gồm:

Diện tích đất: 79,84 ha (đã bao gồm phần diện tích dung chung với NMĐ Quảng Trạch I thuộc TTĐL Quảng Trạch).

Diện tích mặt nước: 396,63 ha (dung chung NMĐ Quảng Trạch I và Quảng Trạch II). Trong đó: Phần diện tích mặt biển sử dụng chung với NMĐ Quảng Trạch I đã được hoàn thiện trong hồ sơ dự án Cơ sở hạ tầng thuộc Trung tâm điện lực Quảng Trạch và tổng diện tích mặt biển đã được Bộ TNMT phê duyệt tại văn bản số 178/QĐ-BTNMT ngày 25/01/2022 cho dự án ĐTXD công trình CSHT thuộc TTĐL Quảng Trạch là 352,52ha. Phần diện tích mặt biển bổ sung cho dự án NMĐ LNG Quảng Trạch II để phù hợp với tàu chở LNG là 44,11 ha.

Hiện trạng sử dụng đất 79,84 ha của dự án NMĐ LNG Quảng Trạch II là đất trống đã được thực hiện đền bù, giải phóng mặt bằng trong dự án CSHT Trung tâm điện lực Quảng Trạch..

- Mô tả mối tương quan của dự án với các đối tượng xung quanh.

Vị trí dự án thuộc TTĐL Quảng Trạch tại xã Quảng Đông, huyện Quảng Trạch không thuộc nội thành, nội thị của các đô thị loại đặc biệt, loại I, II, III, IV và V, không thuộc vùng bảo vệ nghiêm ngặt hay vùng hạn chế phát thải theo quy định chung về phân vùng môi trường theo yếu tố nhạy cảm về môi trường được quy định trong Luật Bảo vệ môi trường 2020.

Các khu vực dân cư tập trung đông dân nằm ven tuyến Quốc lộ 1A như:

- + KCD thôn Xóm Mới (lân cận dự án về phía Tây);
- + KDC thôn Minh Sơn (cách dự án khoảng 500m về phía Tây Nam);
- + KDC thôn Thọ Sơn (cách dự án khoảng 1,2km về phía Tây Nam);
- + KDC thôn Trường Hải (cách dự án khoảng 2,5km về phía Tây Nam);
- + KDC xã Kỳ Nam thuộc huyện Kỳ Anh, tỉnh Hà Tĩnh (cách dự án khoảng 3km về phía Đông Bắc).

Mô tả các đối tượng nhạy cảm xung quanh khu vực thực hiện dự án: Căn cứ khoản 1c của Điều 28 của Luật Bảo vệ môi trường 2020 (Luật số 72/2020/QH14), khoản 4 Điều 25 Nghị định 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại khoản 6 Điều 1 Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06 tháng 01 năm 2025 thì dự án không có yếu tố nhạy cảm môi trường.

2.2. Tác động môi trường của dự án đầu tư:

Tóm tắt các hạng mục công trình và hoạt động của dự án có khả năng gây tác động xấu đến môi trường trong giai đoạn chuẩn bị xây dựng như sau:

Bảng 1: Các hạng mục công trình và hoạt động tác động xấu đến môi trường trong giai đoạn chuẩn bị xây dựng

Stt	Các hoạt động	Nguồn tác động	Đối tượng bị tác động	Mức độ tác động
1	Các hoạt động liên quan đến công tác bóc lớp đất mặt và san gạt mặt bằng	- Bụi, khí thải phát sinh từ các xe ủi, đào đất san lấp mặt bằng. - Nước mưa chảy tràn trên khu vực xây dựng, cuốn theo đất cát, dầu mỡ.	Công nhân, người dân và môi trường xung quanh	Trung bình

Tóm tắt các hạng mục công trình và hoạt động của dự án có khả năng gây tác động xấu đến môi trường trong giai đoạn thi công xây dựng như sau:

Bảng 2: Các hạng mục công trình và hoạt động tác động xấu đến môi trường trong giai đoạn thi công xây dựng

Các hoạt động	Nguồn gây tác động	Đối tượng bị tác động	Mức độ tác động
A	Tác động liên quan đến chất thải		
Vận chuyển máy móc thiết bị thi công và vật liệu xây dựng Xây dựng các hạng mục công trình	Bụi, khí thải phát sinh từ quá trình vận chuyển và bốc dỡ nguyên vật liệu, thiết bị và hoạt động của các máy móc phục vụ thi công.	Người dân lân cận khu vực dự án Công nhân Môi trường không khí	Trung bình
<i>Nguồn phát sinh nước thải</i>			
Xây dựng các hạng mục công trình	Nước thải từ quá trình vệ sinh thiết bị và phương tiện.	Người dân lân cận khu vực dự án Môi trường nước	Trung bình
Sinh hoạt của công nhân thi công	Nước thải sinh hoạt của công nhân	Người dân lân cận khu vực dự án Môi trường nước mặt, nước ngầm	Nhỏ
<i>Nguồn phát sinh chất thải rắn</i>			
Xây dựng các hạng mục công trình	Chất thải rắn xây dựng phát sinh như gạch vụn, sắt thép... Chất thải rắn nguy hại phát sinh như bao bì chứa dầu nhớt, sơn, giẻ lau dính dầu mỡ...	Người dân lân cận khu vực dự án Môi trường nước mặt, nước ngầm	Nhỏ
Sinh hoạt của công nhân	Chất thải rắn sinh hoạt của công nhân	Người dân lân cận	Nhỏ

Các hoạt động	Nguồn gây tác động	Đối tượng bị tác động	Mức độ tác động
nhân thi công	nhân	cận khu vực dự án Môi trường nước mặt, nước ngầm	
B	Nguồn gây tác động không liên quan đến chất thải		
Vận chuyển máy móc thiết bị thi công và vật liệu xây dựng Xây dựng các hạng mục công trình	Gia tăng tiếng ồn trong khu vực. Gia tăng mật độ, tai nạn giao thông, nguy cơ gây hư hỏng các tuyến đường.	Người dân lân cận khu vực dự án Môi trường không khí Công nhân xây dựng	
Sinh hoạt của công nhân	Tác động về mặt xã hội. Tạo việc làm cho người dân địa phương.	Người dân lân cận khu vực dự án	Nhỏ
Xây dựng các hạng mục công trình	Tai nạn lao động trong quá trình xây dựng công trình. Sự cố rò rỉ dầu, hóa chất trong quá trình sử dụng, lưu trữ.	Công nhân xây dựng	

Tóm tắt các hạng mục công trình và hoạt động của dự án có khả năng gây tác động xấu đến môi trường trong giai đoạn thi công xây dựng như sau:

Bảng 3: Các hạng mục công trình và hoạt động tác động xấu đến môi trường trong giai đoạn vận hành

Các hoạt động	Nguồn gây tác động	Đối tượng bị tác động	Mức độ tác động
A	Tác động liên quan đến chất thải		
Hoạt động của nhà máy chính	Khí thải từ nhà máy (SO ₂ , NO _x , CO, ...).	Người dân lân cận khu vực dự án Nhân viên vận hành Môi trường không khí	Cao
Phương tiện vận chuyển ra vào Nhà máy	Bụi, khí thải từ hoạt động vận chuyển của các phương tiện vận tải.	Người dân lân cận khu vực dự án Nhân viên vận hành Môi trường không khí	Nhỏ
<i>Nguồn phát sinh nước thải</i>			

Các hoạt động	Nguồn gây tác động	Đối tượng bị tác động	Mức độ tác động
Hoạt động của nhà máy chính	Nước sau làm mát. Nước thải từ quá trình xử lý nước thải công nghiệp, ... trong quá trình hoạt động nhà máy.	Người dân lân cận khu vực dự án Môi trường nước mặt, nước ngầm	Trung bình
Sinh hoạt của công nhân vận hành	Nước thải sinh hoạt của công nhân viên làm việc tại nhà máy.	Người dân lân cận khu vực dự án Môi trường nước mặt, nước ngầm	Nhỏ
Nước rửa xe, vệ sinh nhà xưởng	Nước thải từ quá trình vệ sinh xe cộ và nhà xưởng.	Người dân lân cận khu vực dự án Môi trường nước mặt, nước ngầm	Nhỏ
<i>Nguồn phát sinh chất thải rắn</i>			
Khu vực xử lý nước thải	Bùn thải từ hệ thống xử lý nước thải công nghiệp.	Công nhân viên tại nhà máy Môi trường nước mặt, nước ngầm	Nhỏ
Sinh hoạt của nhân viên vận hành	Chất thải rắn sinh hoạt	Người dân lân cận khu vực dự án Nhân viên vận hành Môi trường không khí, đất Cảnh quan thiên nhiên	Nhỏ
B	Nguồn gây tác động không liên quan đến chất thải		
Hoạt động của máy móc thiết bị trong giai đoạn vận hành	Gia tăng tiếng ồn trong khu vực gian máy chính	Người dân lân cận khu vực dự án Môi trường không khí Nhân viên vận hành	Nhỏ
Sinh hoạt của công nhân	Tác động về mặt xã hội. Tạo việc làm cho người dân địa phương.	Người dân lân cận khu vực dự án	Nhỏ
Hoạt động của nhà máy	Sự cố rò rỉ hóa chất trong quá trình sử dụng, lưu trữ vật liệu. Sự cố cháy nổ.	Người dân lân cận khu vực dự án Môi trường không	Nhỏ

Các hoạt động	Nguồn gây tác động	Đối tượng bị tác động	Mức độ tác động
	Sự cố các hệ thống xử lý khí thải và nước thải.	khí, môi trường nước mặt và nước ngầm Nhân viên vận hành	

2.3. Biện pháp giảm thiểu tác động xấu đến môi trường:

❖ Giai đoạn thi công xây dựng

a. Bụi, khí thải

Tưới nước trên công trường và tuyến đường vận chuyển vật liệu, thiết bị nhằm hạn chế khuếch tán bụi, che phủ vật liệu trong giai đoạn thi công để hạn chế bụi. Các phương tiện vận chuyển vật liệu xây dựng (cát, sỏi, gạch, xi măng...) sẽ được che phủ bằng các tấm bạt.

Các khu vực lưu chứa tạm nguyên vật liệu được đặt xa khu dân cư nhằm tránh gây ảnh hưởng. Lập hàng rào cách ly các khu vực nguy hiểm.

b. Giảm thiểu tác động đến môi trường nước

- *Nước thải sinh hoạt:* Các nhà vệ sinh lưu động sẽ được trang bị và phân bố phù hợp trên khu vực công trường thi công, khu lán trại tập trung của cán bộ, công nhân. Chất thải phát sinh từ nhà vệ sinh lưu động sẽ được nhà thầu hợp đồng thuê các đơn vị có chức năng thu gom và xử lý chất thải để thu gom và xử lý đúng quy định.

- *Nước thải từ quá trình vệ sinh thiết bị xây dựng:*

+ Nước thải sau khi rửa xe với thành phần chủ yếu là cát, đất sẽ dẫn vào mương thoát tạm thời tại công trường tới hố lắng trước khi thoát ra môi trường tiếp nhận.

+ Xây dựng hệ thống mương thoát nước tạm thời xung quanh khu vực rửa xe để tránh tình trạng đọng nước trên mặt bằng, gây ảnh hưởng đến thi công.

+ Trong quá trình thi công, sẽ bố trí các hố thu nước mưa trên công trường để lắng cặn trước khi thoát ra môi trường tiếp nhận.

c. Giảm thiểu tác động do phát sinh chất thải rắn

- *Chất thải rắn sinh hoạt:*

+ Chất thải rắn sinh hoạt sẽ được phân loại thành nhóm có thể thu hồi, tái sử dụng, tái chế và nhóm cần xử lý, chôn lấp.

+ Bố trí các thùng chứa rác thải sinh hoạt tại khu vực công trường.

+ Nhà thầu xây dựng sẽ hợp đồng với đơn vị phụ trách vệ sinh môi trường đô thị của địa phương để thu gom, vận chuyển và xử lý.

+ Khu vực lưu chứa chất thải rắn (chất thải sinh hoạt và chất thải xây dựng) được đặt ở vị trí thuận tiện cho việc thu gom trước khi vận chuyển đến bãi chôn lấp.

+ Hợp đồng với các đơn vị thu gom, vận chuyển và xử lý theo quy định.

- *Chất thải rắn xây dựng:*

Tất cả chất thải xây dựng bao gồm gạch, đá, xi măng sẽ được phân loại và tái chế cho các mục đích khác nhau, hoặc là sẽ được bán phế liệu. Phần chất thải còn lại sẽ được thu gom, xử lý bởi đơn vị có chức năng tại địa phương theo đúng quy định.

Lượng đất dư thừa được tận dụng trong phạm vi dự án, không thải ra môi trường.

- *Chất thải nguy hại:*

+ Thu gom tất cả dầu, nhớt, khăn dính dầu, pin, sơn, nhựa đường vào các thùng chứa chất thải nguy hại được đặt ở những khu vực quy định.

+ Ký hợp đồng với các bên có năng lực phù hợp và được cấp phép để quản lý, vận chuyển và xử lý những chất thải nguy hại.

+ Khu vực chứa chất thải nguy hại tạm thời phải tuân theo Nghị định 08/2022/NĐ-CP và Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường và các quy định hiện hành khác.

d. Tiếng ồn, độ rung

- Tiến hành bảo dưỡng thiết bị sử dụng trong quá trình thi công. Hạn chế đóng cọc vào ban đêm từ 21 giờ - 6 giờ và không thi công vào giờ nghỉ: sáng từ 11 giờ 30 đến 13 giờ và sau 22 giờ.

- Các thiết bị thi công được kiểm định kỹ thuật và vận hành trong điều kiện tối ưu nhằm đáp ứng tiêu chuẩn tiếng ồn và độ rung khi vận hành.

e. Giảm thiểu tác động đến môi trường sinh thái

- Cấm chặt cây ở khu vực bên ngoài ranh dự án. Các nhà thầu xây dựng phải chịu trách nhiệm quản lý công nhân.

- Ban hành các quy định trong thi công và các quy tắc xử phạt. Thực hiện việc kiểm tra, giám sát các hoạt động thi công thường xuyên.

- Ngăn cấm hành vi đổ bỏ chất thải rắn, chất thải nhiễm dầu vào nguồn nước trong giai đoạn xây dựng. Toàn bộ chất thải phải được thu gom và xử lý theo quy định pháp luật hiện hành.

f. Giảm thiểu tác động đến giao thông khu vực:

- Lắp đặt hệ thống đèn và biển báo trên đoạn đường chạy qua khu vực Dự án.

- Biển báo sẽ được lắp đặt tại nơi dễ xảy ra tai nạn.

- Thiết lập và thực thi kế hoạch quản lý giao thông nhằm điều tiết hoạt động của phương tiện vận chuyển.

- Giáo dục ý thức về an toàn giao thông cho người điều khiển phương tiện.

- Các tuyến đường trên có thể bị hư hỏng do hoạt động của các xe tải nặng. Nhà thầu cam kết sửa chữa lại các đoạn đường bị hỏng (nếu do xe tải của công trình gây ra) sau khi kết thúc công tác thi công.

g. Giảm thiểu tác động đến kinh tế - xã hội:

- Ưu tiên tuyển dụng lực lượng lao động địa phương.

- Đề cao vai trò của cộng đồng trong việc giải quyết các xung đột giữa người dân địa phương và công nhân (nếu có), xây dựng đời sống văn hóa và tinh thần như tổ chức giao lưu để tạo mối quan hệ tốt đẹp giữa công nhân và người dân địa phương.

- Giáo dục đạo đức và ý thức cho công nhân để giảm các tệ nạn về rượu bia, cờ bạc, trộm cắp và đánh nhau.

- Khai báo tạm trú cho công nhân viên, phối hợp với địa phương trong việc quản lý hành chính công nhân tại khu dân cư xung quanh dự án.

- Giáo dục công nhân xây dựng về các biện pháp phòng ngừa các bệnh truyền nhiễm.

h. Giảm thiểu tác động do rủi ro, sự cố

- Phòng cháy chữa cháy

Trong quá trình thi công, tại các khu vực có nguy cơ cháy được lắp các thiết bị báo cháy (đèn báo hiệu, chuông báo cháy...) và các thiết bị chữa cháy cầm tay theo đúng tiêu chuẩn quy phạm yêu cầu. Ngoài ra để giảm thiểu nguy cơ cháy nổ trong quá trình xây dựng, Chủ dự án sẽ:

- + Quy hoạch khu vực chứa nhiên liệu, hóa chất dễ cháy; có bảo vệ, che chắn, phun nước tưới ẩm trong điều kiện trời nóng;

- + Thường xuyên kiểm tra định kỳ mức độ tin cậy của các thiết bị an toàn báo cháy, chữa cháy, phát hiện hư hỏng và có biện pháp thay thế kịp thời.

- + Thực hiện các biện pháp an toàn về điện thi công, đảm bảo không gây ra cháy nổ do chập điện...

- + Có phương án chuẩn bị sẵn các phương tiện, vật liệu phòng cháy chữa cháy và ứng cứu sự cố khi cháy nổ xảy ra.

- Giảm thiểu tai nạn lao động

Nhằm đảm bảo an toàn lao động cho công nhân, Dự án sẽ xây dựng, phổ biến và yêu cầu công nhân tuân thủ triệt để các quy định an toàn lao động, nội quy lao động. Trong đó một số lưu ý đặc biệt như:

- + Tuân thủ tuyệt đối theo các quy phạm an toàn về vận chuyển lắp đặt và vận hành thiết bị điện. Công nhân vận chuyển lắp đặt thiết bị điện được đào tạo về các quy định đối với an toàn điện;

- + Khi lắp đặt các kết cấu trên cao sẽ tuân thủ theo quy tắc an toàn về trang phục và đai bảo hiểm;

- + Các thiết bị xây dựng sẽ được ngắt điện khi không sử dụng, gặp sự cố, mất điện nguồn để tránh tai nạn do đột ngột có điện lại;

- + Khi xảy ra cháy do sự cố điện, trước hết, cần báo cắt điện sau đó tuân theo quy trình chữa cháy;

- + Lắp đặt các biển cảnh giới nguy hiểm tại những nơi cần thiết.

- + Có cán bộ chuyên trách thường xuyên kiểm tra việc thực hiện các quy định về an toàn lao động trên công trường

❖ **Giai đoạn vận hành**

a. Giảm thiểu tác động đến môi trường không khí

Dự án sử dụng nhiên liệu LNG là nhiên liệu sạch. Nồng độ các chất trong khí thải trong nhà máy chủ yếu là NO_x (tính theo NO₂), bụi TSP và SO₂ phát sinh sẽ được

kiểm soát để đáp ứng QCVN 19:2024/BTNMT và QCVN 05:2023/BTNMT. Khí thải được thoát ra môi trường qua ống khói cao khoảng 60m.

b. Giảm thiểu tác động đến môi trường nước

- *Tác động do lấy nước làm mát:* Hệ thống nước làm mát sẽ được trang bị các tấm lưới chắn có nhiệm vụ chắn rác và ngăn không cho cá, tảo, hoặc các loại thủy sinh khác bị hút vào hệ thống nước làm mát. Việc sử dụng lưới chắn không những vừa bảo vệ môi trường thủy sinh quanh khu vực lấy nước làm mát mà còn hạn chế những tạp chất trong nước để giảm việc làm hư hỏng hay gây tắc các đường ống dẫn nước làm mát.

- *Tác động do nhiệt độ của nước sau làm mát:*

Nhiệt độ nước làm mát tại điểm xả nước ra khu vực biên trong điều kiện bất lợi nhất nhỏ hơn giới hạn cho phép là 40°C (QCVN 40:2025/BTNMT).

Tuy nhiên, do lượng nước làm mát từ nhà máy là tương đối lớn vì vậy cần phải theo dõi và kiểm soát thường xuyên thông số nhiệt độ của nước sau làm mát để có biện pháp xử lý kịp thời các rủi ro có thể gây ra làm ảnh hưởng môi trường.

- *Nước thải công nghiệp và sinh hoạt:*

Xây dựng, lắp đặt và vận hành hiệu quả hệ thống xử lý nước thải công nghiệp và nước thải sinh hoạt. Thu gom và xử lý tất cả các loại nước thải phát sinh từ hoạt động của nhà máy đạt quy chuẩn cho phép QCVN 40:2025/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước thải công nghiệp và QCVN 14:2025/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước thải sinh hoạt.

c. Giảm thiểu tác động do phát sinh chất thải rắn

c.1. Chất thải sinh hoạt

Chất thải rắn sinh hoạt sẽ được phân loại ngay khi thu gom nhằm mục đích tái sử dụng hoặc tái chế. Phần còn lại của chất thải rác sinh hoạt sẽ được thuê đơn vị có chuyên môn thu gom và xử lý đúng quy định.

c.2. Chất thải rắn công nghiệp

Chất thải rắn công nghiệp/xây dựng từ nhà máy bao gồm các nguyên liệu bị bỏ như bao bì, bùn từ hệ thống xử lý nước,...

Chất thải rắn công nghiệp sẽ được phân loại và tái chế cho các mục đích khác nhau hoặc bán phế liệu. Phần chất thải còn lại sẽ được thu gom, xử lý bởi đơn vị có chức năng tại địa phương theo đúng quy định của Nghị định 08/2022/NĐ-CP và Thông tư 02/2022/TT-BTNMT.

c.3. Chất thải nguy hại

Chất thải nguy hại bao gồm dầu mỡ thải, cặn dầu, các loại giẻ lau máy móc và thiết bị có dính dầu mỡ... Tất cả các chất thải nguy hại này sẽ được thu gom và lưu giữ trong thùng đựng chất thải nguy hại có nắp đậy đặt tại khu vực quy định trong nhà máy.

Việc lưu giữ và xử lý chất thải nguy hại phải đảm bảo tuân thủ theo quy định tại Nghị định 08/2022/NĐ-CP và Thông tư 02/2022/TT-BTNMT.

c.4. Biện pháp giảm sự cố nổ đường ống dẫn LNG

- Kết hợp với các đơn vị chuyên môn có đầy đủ chức năng để thiết kế lắp đặt các hệ thống ống dẫn đạt các tiêu chuẩn quy phạm, đồng thời xây dựng một văn bản cụ thể về hướng dẫn vận hành cho công nhân sử dụng.
- Tổ chức các buổi huấn luyện về kỹ thuật an toàn vận hành hệ thống ống dẫn cho công nhân.
- Xây dựng chi tiết nội quy và quy tắc an toàn lao động và giám sát thực hiện.
- Trước khi đưa vào hoạt động, tất cả hệ thống ống dẫn sẽ được kiểm tra độ thông thoáng và thử áp lực.
- Trong quá trình hoạt động, bắt buộc các công nhân vận hành phải luôn có mặt ở vị trí của mình để kịp thời phát hiện và ứng cứu thích hợp.

Các biện pháp giảm thiểu cho sự cố này như sau:

- Hệ thống PCCC cho nhà máy được trang bị phù hợp với Luật Phòng cháy và chữa cháy (PCCC), tiêu chuẩn Việt Nam, tiêu chuẩn quốc tế và các qui định khác của cấp có thẩm quyền.
- Khi có sự cố xảy ra, các bình bột CO₂ được trang bị sẽ được sử dụng để chữa cháy trong trường hợp có sự cố cháy nổ trên khu vực đường ống dẫn khí.
- Phân công lao động phù hợp, bố trí những người có chuyên môn đã được huấn luyện về phòng cháy chữa cháy (PCCC) và phương án PCCC để thực hiện các công tác chữa cháy khi có trường hợp sự cố xảy ra.

d. Tiếng ồn, độ rung

Nhà máy sẽ hạn chế tối đa tiếng ồn và độ rung phát ra từ khu vực sản xuất bằng các biện pháp lắp đặt các thiết bị giảm thanh ở các thiết bị tạo ra độ ồn lớn như quạt hút, van bảo hiểm, van xả; định kỳ kiểm tra và bảo dưỡng máy móc thiết bị, tra dầu bôi trơn máy để đảm bảo hiệu suất làm việc tối ưu cho máy.

Tổ chức trồng vành đai cây xanh, cảnh quan trong khuôn viên Dự án, xung quanh các xưởng máy, đường giao thông nội bộ để giảm ồn và ngăn bụi.

2.4. Chương trình quản lý và giám sát môi trường; phương án phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường;

Tóm tắt chương trình quản lý và giám sát môi trường trong giai đoạn thi công xây dựng, giai đoạn vận hành.

2.4.1. Giám sát môi trường trong giai đoạn đầu tư xây dựng

2.4.1.1. Giám sát nước thải

a. Tại khu vực lán trại sinh hoạt nhà thầu

- Vị trí giám sát: vị trí hồ ga sau khi qua hệ thống xử lý.
- Tần suất giám sát: 03 tháng/01 lần trong suốt thời gian thi công.
- Thông số giám sát: pH, COD, BOD₅, TSS, NH₄⁺, Tổng N, Tổng P, sunfua, dầu mỡ động thực vật, Chất hoạt động bề mặt anion, tổng Coliform.
- Quy chuẩn so sánh: QCVN 14:2025/BTNMT, cột C - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước thải sinh hoạt và nước thải đô thị, khu dân cư tập trung.

b. Tại khu quản lý nhà ở chuyên gia trong công trường

- Vị trí giám sát: vị trí hồ ga sau khi qua bể tự hoại.
- Tần suất giám sát: 03 tháng/01 lần trong suốt thời gian thi công.
- Thông số giám sát: pH, COD, BOD5, TSS, NH4+, Tổng N, Tổng P, sunfua, dầu mỡ động thực vật, Chất hoạt động bề mặt anion, tổng Coliform.
- Quy chuẩn so sánh: QCVN 14:2025/BTNMT, cột C - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước thải sinh hoạt và nước thải đô thị, khu dân cư tập trung.

c. Đối với nước thải xây dựng

- Vị trí giám sát: các vị trí trước khi xả ra môi trường.
- Tần suất giám sát: 03 tháng/01 lần trong suốt thời gian thi công.
- Thông số giám sát: pH, TSS, COD, tổng Coliform.
- Quy chuẩn so sánh: QCVN 40:2025/BTNMT, cột C – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp.

2.4.1.2. Giám sát bụi, khí thải

a. Tại công trường thi công:

- Vị trí giám sát: tại 3 công trường thi công.
- Tần suất giám sát: 03 tháng/01 lần trong suốt thời gian thi công.
- Thông số giám sát: bụi tổng, SO₂, CO, NO_x.
- Quy chuẩn so sánh: áp dụng QCVN 05:2023/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng không khí.

b. Khu vực ngoài công trường thi công:

- Vị trí giám sát: 2 vị trí ngoài dự án
- Thông số giám sát: bụi tổng, SO₂, CO, NO_x.
- Tần suất giám sát: 03 tháng/01 lần trong suốt thời gian thi công.
- Quy chuẩn so sánh: áp dụng QCVN 05:2023/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng không khí.

2.4.1.3. Giám sát chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn thông thường và chất thải nguy hại

- Thực hiện phân định, phân loại các loại chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn thông thường và chất thải nguy hại theo quy định của Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường, Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường và các quy định khác có liên quan;
- Định kỳ chuyển giao chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn thông thường và chất thải nguy hại cho đơn vị có đầy đủ năng lực, chức năng thu gom, vận chuyển và xử lý theo đúng quy định.

2.4.1.4. Tiếng ồn độ, rung

- Vị trí: 02 vị trí (01 điểm tại khu NMNĐ LNG QTII; 01 điểm tại khu dân cư ngoài đường vận chuyên).
- Tần suất giám sát: 03 tháng/lần.
- Thông số giám sát: tiếng ồn, rung.
- Quy chuẩn so sánh: áp dụng QCVN 26:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn; QCVN 27:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung và các tiêu chuẩn, quy chuẩn hiện hành khác.

2.4.1.5. Giám sát chất lượng nước biển ven bờ

- Vị trí giám sát: 03 vị trí nước biển ven bờ (thuộc phạm vi khu vực Dự án).
- Tần suất giám sát: tối thiểu 06 tháng/01 lần.
- Thông số giám sát: TSS, Amoni, Phosphat, tổng dầu, mỡ khoáng.
- Quy chuẩn so sánh: QCVN 10:2023/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước biển.

2.4.1.6. Giám sát công tác nạo vét và nhận chìm vật chất nạo vét ở biển

- Vị trí giám sát:

+ Khu vực nạo vét (trong giai đoạn nạo vét) và khu vực thi công xây dựng (trong giai đoạn thi công, không thực hiện nạo vét): 03 vị trí nạo vét bao gồm: khu vực cửa nhận, cửa xả và đê chắn sóng. Tọa độ cụ thể của từng vị trí sẽ được xác định trong giai đoạn sau, khi chuẩn bị hồ sơ xin cấp phép nhận chìm của dự án để trình lên các cơ quan liên quan để phê duyệt.

Khu vực nhận chìm: 03 vị trí (01 vị trí tại vị trí nhận chìm và 02 vị trí cách vị trí nhận chìm từ 100-200m về phía Nam và phía Bắc). Tọa độ cụ thể của từng vị trí sẽ được xác định trong giai đoạn sau, khi chuẩn bị hồ sơ xin cấp phép nhận chìm của dự án để trình lên các cơ quan liên quan để phê duyệt. Thông số giám sát: Độ đục, TSS

- Tần suất giám sát:

+ Hoạt động nạo vét: 4 lần/ngày trong suốt quá trình nạo vét;

+ Hoạt động nhận chìm: 03-04 lần/ngày tùy thuộc vào số lần nhận chìm trong giai đoạn thực hiện công tác nhận chìm;

+ Khu vực thi công trong giai đoạn thi công xây dựng: 3 tháng/lần.

- Quy định áp dụng:

+ Nghị định số 40/2016/NĐ-CP ngày 15/5/2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật tài nguyên, môi trường biển và hải đảo;

+ Nghị định số 57/2024/NĐ-CP ngày 20/5/2024 của Chính phủ về quản lý hoạt động nạo vét vùng nước cảng biển và vùng nước đường thủy nội địa.

+ QCVN 10:2023/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước biển.

2.4.2. Giám sát trong giai đoạn vận hành thử nghiệm

Thực hiện việc giám sát chất thải trong giai đoạn vận hành thử nghiệm theo quy định tại Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy

định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường, Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

2.4.3. Giám sát môi trường trong giai đoạn vận hành

2.4.3.1. Giám sát nước thải

Đối với nước thải sinh hoạt và công nghiệp

- Vị trí sau xử lý của hệ thống xử lý nước thải công nghiệp của NMNĐ LNG QTII.
- + Vị trí giám sát: 01 điểm tại bể chứa thải sau xử lý của hệ thống xử lý nước thải công nghiệp của NMNĐ LNG QTII, trước khi xả ra biển.
- + Tần suất giám sát: 03 tháng/01 lần.
- + Thông số giám sát: pH, BOD₅, COD, DO, Tổng chất rắn lơ lửng (TSS), tổng dầu mỡ khoáng, tổng Coliform, tổng N, tổng P.
- + Quy chuẩn so sánh: trước ngày 31/12/2031 áp dụng QCVN 40:2011/BTNMT cột B – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp, kể từ ngày 01/01/2032 áp dụng QCVN 40:2025/BTNMT, cột C – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp.

Đối với nước sau làm mát

- Vị trí giám sát: 01 điểm tại hồ thu nước.
- Tần suất giám sát và thông số giám sát: tự động, liên tục đối với các thông số lưu lượng, Clo dư, nhiệt độ.
- Quy chuẩn so sánh: thông số nhiệt độ theo QCVN 40:2025/BTNMT, riêng Clo dư $\leq 0,2$ mg/l.
- a. Đối với dòng đậm đặc từ hệ thống SWRO của hệ thống xử lý nước biển
 - Vị trí giám sát: 01 điểm (trước điểm xả ra nguồn tiếp nhận).
 - Tần suất giám sát: 03 tháng/01 lần.
 - Thông số giám sát: lưu lượng, pH, TSS, COD.
 - Quy chuẩn so sánh: QCVN 40:2025/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp, cột C.

2.4.2.2. Giám sát khí thải

- Vị trí các điểm giám sát: 02 ống khói của nhà máy.
- Tần suất giám sát: tối thiểu 03 tháng/01 lần.
- Thông số giám sát: lưu lượng, áp suất, nhiệt độ, O₂, bụi tổng, SO₂, NO_x (tính theo NO₂).
- Quy chuẩn so sánh: trước ngày 31/12/2031 áp dụng QCVN 22:2009/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về khí thải công nghiệp nhiệt điện, kể từ ngày 01/01/2032 áp dụng QCVN 19:2024/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp.

2.4.2.3. Giám sát chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn thông thường và chất thải nguy hại

a. Đối với chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn thông thường và chất thải nguy hại

- Thực hiện phân định, phân loại các loại chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn thông thường và chất thải nguy hại theo quy định của Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022, Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường và các quy định khác có liên quan;

- Định kỳ chuyển giao chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn thông thường và chất thải nguy hại cho đơn vị có đầy đủ năng lực, chức năng thu gom, vận chuyển và xử lý theo đúng quy định.

b. Đối với bùn thải từ hệ thống xử lý nước thải công nghiệp

- Vị trí giám sát: 01 mẫu bùn thải.

- Thông số giám sát: pH, As, Cd, Pb, Hg, Cr (VI);

- Tần suất giám sát: 06 tháng/lần.

- Nội dung giám sát: QCVN 50:2013/BTNMT- Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về ngưỡng nguy hại đối với bùn thải từ quá trình xử lý nước. Trong trường hợp kết quả phân tích mẫu bùn thải cho thấy ít nhất một thông số trong bùn thải vượt ngưỡng nguy hại tại bất kỳ thời điểm lấy mẫu nào thì bùn thải sẽ được quản lý như chất thải nguy hại theo các quy định của pháp luật liên quan.

2.4.2.4. Đối với giám sát môi trường liên quan khác

a. Giám sát chất lượng nước biển ven bờ

- Vị trí giám sát: 03 vị trí nước biển ven bờ (thuộc phạm vi khu vực Dự án).

- Tần suất giám sát: 6 tháng/lần.

- Thông số giám sát: Nhiệt độ, pH, BOD₅, COD, DO, TSS, NH₄⁺-N, Cl⁻, F⁻, NO₃⁻-N, NO₂⁻-N, PO₄³⁻-P, CN⁻, As, Cd, Cr⁶⁺, Pb, Cr³⁺, tổng Crom, Cu, Zn, Ni, Mn, Hg, Fe, Phenol, Tổng dầu mỡ, Clo dư, Coliform, E. Coli.

- Quy chuẩn so sánh: áp dụng QCVN 10:2023/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước biển.

c. Giám sát bồi lắng, xói lở

- Vị trí giám sát: bờ biển khu vực cửa nhận nước và xả nước làm mát.

- Tần suất giám sát: tối thiểu 06 tháng/lần.

- Nội dung giám sát: giám sát và đánh giá các dấu hiệu sạt lở bờ.

d. Giám sát quá trình nạo vét duy tu

- Hoạt động giám sát này chỉ xảy ra khi nhà máy thực hiện nạo vét duy tu luồng lạch và cửa nhận, cửa xả nước làm mát của nhà máy.

- Vị trí, tần suất và nội dung giám sát tương tự như được đề cập tại mục 2.4.1.6.

3. Cam kết của Chủ dự án

Chủ dự án cam kết:

3.1. Cam kết thực hiện các biện pháp giảm thiểu các tác động tiêu cực

Chủ dự án cam kết thực hiện các biện pháp kiểm soát và giảm thiểu các tác động tiêu cực đã nêu trong báo cáo và các yêu cầu trong quyết định phê duyệt báo cáo ĐTM nhằm bảo đảm Tiêu chuẩn và Quy chuẩn môi trường Việt Nam. Dự án sẽ có cán bộ chuyên môn để quản lý các vấn đề môi trường trong suốt quá trình hoạt động của dự án.

3.2 Cam kết thực hiện tác cả các biện pháp, quy định chung về bảo vệ môi trường có liên quan đến dự án

Trên cơ sở các nguồn thải đã được nêu trong báo cáo ĐTM ở các giai đoạn của dự án, Chủ đầu tư cam kết thực hiện tất cả các biện pháp nhằm giảm thiểu tác động xấu, phòng ngừa và ứng cứu sự cố môi trường đã trình bày trong chương 3 đồng thời cam kết thực hiện tác cả các biện pháp, quy định chung về bảo vệ môi trường, bao gồm:

- Khí thải:

Chủ đầu tư cam kết:

+ Bụi TSP thải sau khi qua ống khói cao nhất đạt giá trị 10 mg/Nm^3 (nồng độ các chất ở điều kiện chuẩn 25°C , 1 atm, khí khô, 15% O_2).

+ Khí NO_x thải sau khi qua ống khói cao nhất đạt giá trị 47 mg/Nm^3 (nồng độ các chất ở điều kiện chuẩn 25°C , 1 atm, khí khô, 15% O_2).

+ Khí SO_2 thải sau khi qua ống khói cao nhất đạt giá trị 4 mg/Nm^3 (nồng độ các chất ở điều kiện chuẩn 25°C , 1 atm, khí khô, 15% O_2).

Theo kết quả tính toán ở chương 3, để đạt Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp nhiệt điện QCVN 19:2024/BTNMT (cột C) và Quy chuẩn quốc gia về chất lượng không khí xung quanh QCVN 05:2023/BTNMT, đối với nhiên liệu đốt là khí, nồng độ phát thải của bụi trung bình 1 giờ cao nhất là $191,98 \mu\text{g/Nm}^3$, NO_2 trung bình 1 giờ cao nhất là $124,84 \mu\text{g/Nm}^3$, SO_2 trung bình 1 giờ cao nhất là $147,94 \mu\text{g/Nm}^3$. Tuy nhiên, các giá trị tính toán được dựa trên mô hình toán lý thuyết và sẽ được Chủ dự án chuẩn xác theo kết quả đo đạc thực tế trước khi nhà máy vận hành thương mại. Chủ Dự án cam kết áp dụng đầy đủ các biện pháp giảm thiểu (đã nêu trong Chương 3) nhằm đảm bảo phát thải từ NMNĐ Quảng Trạch II đạt cả hai Quy chuẩn QCVN 19:2024/BTNMT (cột C) và QCVN 05:2023/BTNMT.

- Độ ồn – Độ rung

Độ ồn sinh ra trong quá trình hoạt động của dự án phải đạt tiêu chuẩn về tiếng ồn 26:2010/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn.

Độ rung sinh ra trong quá trình hoạt động của dự án phải đạt tiêu chuẩn về tiếng rung 27:2010/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung.

- Chất thải rắn sinh hoạt, sản xuất và CTNH

Chất thải rắn sinh hoạt, sản xuất được thu gom, vận chuyển đảm bảo các yêu cầu về vệ sinh môi trường theo đúng quy định tại Nghị định số 08/2022/NĐ-CP và Nghị định 05/2025/NĐ-CP, Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT và Thông tư số 07/2025/TT-BTNMT.

- Nước thải sinh hoạt, nước thải sản xuất và nước sau khi làm mát.
- + Nước thải sinh hoạt tại nhà máy được thu gom và bể chứa sau xử lý đạt QCVN 40:2025/BTNMT (cột C) – Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về nước thải công nghiệp sau đó thải chung với nước thải công nghiệp ra biển.
- + Nước thải sản xuất được thu gom và xử lý tại trạm xử lý nước thải của nhà máy để đạt QCVN 40:2025/BTNMT (cột C) – Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về nước thải công nghiệp.
- + Giám sát liên tục nước thải làm mát với các thông số lưu lượng, nhiệt độ và Clo dư. Thông số nhiệt độ và Clo dư trong nước sau làm mát đảm bảo QCVN 40:2025/BTNMT trước khi thải ra biển Đông.

3.3. Cam kết thực hiện chương trình quản lý và giám sát môi trường

- Chủ dự án cam kết thực hiện đúng chương trình quản lý và giám sát môi trường trong giai đoạn xây dựng và giai đoạn với tần suất và các thông số phân tích theo đúng quy định hiện hành như đã nêu trong Chương 4 báo cáo ĐTM. Phối hợp với các cơ quan chức năng thực hiện công tác lấy mẫu giám sát và lưu trữ số liệu làm cơ sở cho công tác đánh giá diễn biến môi trường, nhằm mục đích kịp thời điều chỉnh các biện pháp giảm thiểu, khắc phục và phòng tránh một cách hiệu quả nhất.

3.4. Các cam kết khác

- Chủ Dự án cam kết đầu tư, lắp đặt và vận hành tốt tất cả hệ thống xử lý chất thải (gồm hệ thống xử lý nước thải, hệ thống thu gom và lưu trữ tạm thời chất thải rắn, chất thải nguy hại), các công trình kiểm soát ô nhiễm được tiến hành xây dựng song song với các công trình dự án và sẽ hoàn thành trước khi dự án đi vào hoạt động chính thức.
- Chủ dự án cam kết về các giải pháp, biện pháp bảo vệ môi trường sẽ được thực hiện khi dự án đi vào vận hành thử nghiệm, vận hành chính thức cho đến khi kết thúc dự án.
- Chủ Dự án cam kết thực hiện các biện pháp phòng chống ô nhiễm môi trường và các biện pháp giảm thiểu như trong Chương 3 của báo cáo, đồng thời tăng cường công tác đào tạo đội ngũ cán bộ chuyên trách có trình độ chuyên môn về môi trường nhằm nâng cao năng lực quản lý môi trường, bảo đảm vận hành nhà máy an toàn, hiệu quả và không gây ô nhiễm môi trường.
- Chủ Dự án cam kết chấp hành chế độ thanh tra, kiểm tra về môi trường theo đúng quy định của pháp luật.
- Chủ dự án cam kết chỉ được đi vào hoạt động sau khi được cơ quan có thẩm quyền kiểm tra, xác nhận việc thực hiện các nội dung của Báo cáo ĐTM được phê duyệt.
- Chủ dự án cam kết bồi thường thiệt hại nếu xảy ra sự cố môi trường ảnh hưởng đến môi trường khi vực và cam kết khắc phục các ô nhiễm môi trường trong trường hợp các sự cố, rủi ro môi trường xảy ra do triển khai dự án.
- Cam kết phối hợp chặt chẽ với chính quyền và người dân, và chủ đầu tư của dự án thuộc TTĐL để giải quyết các mâu thuẫn phát sinh.
- Chủ Dự án cam kết tuân thủ các quy định về bảo vệ môi trường trong Luật Bảo vệ môi trường luật số 55/2014/QH13 được Quốc hội nước Cộng Hòa Xã Hội Chủ



Nghĩa Việt Nam khóa XI, kỳ họp thứ 8 số 55/2014/QH13 thông qua 23/6/2014 và Luật Bảo vệ môi trường Luật số 72/2020/QH14 được Quốc hội Nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17/11/2020

- Chủ Dự án cam kết chịu trách nhiệm trước Pháp luật nước Cộng Hòa Xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam nếu xảy ra các vấn đề ô nhiễm môi trường, ảnh hưởng xấu tới người dân trong suốt quá trình vận hành Dự án.

- Dự án Nhà máy nhiệt điện LNG Quảng Trạch II hoàn toàn phù hợp với chủ trương nhà nước. Bằng các giải pháp kỹ thuật và quản lý nêu trong Dự án Đầu tư và Báo cáo ĐTM này, Dự án có khả năng hạn chế và kiểm soát các tác động xấu tới môi trường. Chủ dự án Nhà máy nhiệt điện LNG Quảng Trạch II mong được cấp thẩm quyền phê chuẩn và ủng hộ cho dự án để có thể triển khai các bước tiếp theo đảm bảo tiến độ của Dự án.

BAN QUẢN LÝ DỰ ÁN ĐIỆN 2
KT.GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC



Đỗ Thành Tài

Ghi chú: Báo cáo ĐTM được niêm yết tại Ủy ban nhân dân cấp xã từ ngày
Tháng 5 Năm 2025

